

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NINH KIỀU
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 33/2023/DS-ST
Ngày: 16 - 3 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Bích.

2. Bà Trần Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Tô Văn Tông - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2021/TLST-DS ngày 27 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2023/QĐST- DS ngày 27 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP B

Địa chỉ: Số 109 đường T, phường C, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Duy T1 (Văn bản ủy quyền ngày 27-6-2022). (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Ngọc H, sinh năm xxxx (vắng mặt)

Địa chỉ: Số xxx đường số x, khu tái định cư T2, khu vực x, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 14-10-2021 và trong quá trình xét xử đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngày 19-3-2018, ông Phan Ngọc H đã ký Hợp đồng tín dụng số HDTD903201846 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ 903201846/01 ngày 19-3-2018 với Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Cần Thơ - Phòng giao dịch Phong Điền. Hai bên thống nhất việc ggân hàng cho ông Phan Ngọc H vay tiền theo nội dung thỏa thuận sau đây: Số tiền vay 150.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Thời hạn vay : 60 tháng (từ ngày 20-3-2018 đến ngày 20-3-2023); Tài sản thế chấp: Tín chấp; Lãi suất: 13.35%/năm, thả nổi, điều chỉnh theo định kỳ; Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; Hình thức thanh toán: Kỳ hạn trả nợ gốc: Trả nợ gốc định kỳ 01 tháng/lần cố định vào ngày 15 hàng tháng và được chia thành 60 phân kỳ; Kỳ hạn trả lãi: Cố định vào ngày 15 hàng tháng tính theo dư nợ thực tế, kỳ lãi đầu tiên được trả vào ngày 15-4-2018. Ngày trả nợ cuối cùng 20-3-2023.

Theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ HDTD903201846/01, ông H đã ký nhận nợ tại Ngân hàng TMCP B với số tiền là 150.000.000 đồng.

Trong thời gian vay, ông H chỉ thanh toán vốn gốc và lãi cho Ngân hàng trong 31 kỳ (từ ngày 16-4-2018 đến ngày 15-01-2021). Tổng số tiền đã thanh toán 118.840.702 đồng, trong đó số tiền gốc đã thanh toán là 77.530.920 đồng và lãi là 41.309.782 đồng và kể từ kỳ trả nợ ngày 15-10-2020 đến nay ông H bị chuyển sang nợ quá hạn.

Ông H không thực hiện đúng theo cam kết tại Hợp đồng tín dụng nêu trên. Ngân hàng đã nhiều lần điện thoại nhắc nợ, gửi thông báo nợ quá hạn và hẹn làm việc trực tiếp với khách hàng nhưng đều bị từ chối, không chịu gặp. Mặc dù, ngân hàng đã tạo mọi điều kiện nhưng khách hàng vẫn không hợp tác.

Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tạm tính đến ngày 16-3-2023 với tổng số tiền là 106.673.165 đồng (trong đó nợ gốc 72.469.080 đồng, nợ lãi trong hạn 13.690.323 đồng, nợ lãi quá hạn 20.513.762 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 16-3-2023 tính theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa,

** Đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Trong thời gian vay, phía bị đơn chỉ thanh toán vốn gốc và lãi cho ngân hàng trong 31 kỳ (từ ngày 16-4-2018 đến ngày 15-01-2021) số tiền tổng cộng

118.840.702 đồng. Ngân hàng yêu cầu bị đơn trả nợ theo Hợp đồng tín dụng tạm tính đến ngày 16-3-2023 với tổng số tiền là 106.673.165 đồng (trong đó nợ gốc 72.469.080 đồng, nợ lãi trong hạn 13.690.323 đồng, nợ lãi quá hạn 20.513.762 đồng) và lãi phát sinh sau ngày 16-3-2023 tính theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng cho đến khi bị đơn thanh toán hết nợ.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được Tòa án thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng vẫn vắng mặt, do đó căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền tạm tính 16-3-2023 là 106.673.165 đồng (Trong đó nợ gốc 72.469.080 đồng, nợ lãi trong hạn 13.690.323 đồng, nợ lãi quá hạn 20.513.762 đồng) và bị đơn tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn quy định trong hợp đồng tín dụng từ ngày 17-3-2023 cho đến khi thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn ông Phan Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần bằng thủ tục niêm yết công khai, đồng thời thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nhưng ông H vẫn vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt ông H là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 14-10-2021 và Hợp đồng tín dụng ngày 19-3-2018 cho thấy giữa nguyên đơn với bị đơn có giao dịch vay mượn, do phía bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi cho nguyên đơn nên nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả

tiền theo hợp đồng, do đó xác định đây là loại kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc dù Công an phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xác nhận ông H không có cư trú tại số x đường số x, khu tái định cư T, khu vực x, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng nguyên đơn đã ghi đúng địa chỉ của ông H trong đơn khởi kiện theo địa chỉ tại Hợp đồng tín dụng, Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và sổ hộ khẩu, ông H thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho nguyên đơn biết địa chỉ nơi cư trú mới cũng được coi là cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở xác định địa chỉ của bị đơn tại quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số HDTD903201846 ngày 19-3-2018 cho thấy giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch vay mượn tiền, bị đơn ký hợp đồng tín dụng với nguyên đơn để vay số tiền 150.000.000 đồng, dư nợ 150.000.000 đồng kèm theo Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ có chữ ký của bị đơn đã thể hiện giữa bị đơn và nguyên đơn có sự giao dịch vay vốn. Trong quá trình vay, bị đơn chỉ thanh toán vốn gốc và lãi cho nguyên đơn trong 31 kỳ (từ ngày 16-4-2018 đến ngày 15-01-2020) số tiền tổng cộng 118.840.702 đồng, dư nợ hiện tại tính đến ngày 16-3-2023 là 72.469.080 đồng.

Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án cũng đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn nhưng bị đơn không đến tòa theo giấy triệu tập để thể hiện ý kiến của mình, không cung cấp các chứng cứ có liên quan để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết. Do bị đơn không trả tiền gốc và lãi theo đúng hợp đồng tín dụng nên bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 9 của hợp đồng, do đó việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc số tiền 72.469.080 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

Hợp đồng tín dụng số HDTD903201846 ngày 19-3-2018 giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận việc vay vốn, thỏa thuận các điều khoản về tính lãi, trong đó có lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định tại Điều 2, Điều 4 của hợp đồng một

cách tự nguyện, việc thỏa thuận được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, hợp đồng tín dụng trên đã được thực hiện và có hiệu lực thi hành. Theo khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”, bị đơn không thanh toán số tiền gốc và lãi cho nguyên đơn theo đúng hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Căn cứ vào Bảng kê tình hình thu lãi vay của nguyên đơn tính từ ngày 15-10-2020 đến ngày 16-3-2023, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi trong hạn 13.690.323 đồng, lãi quá hạn 20.513.762 đồng là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 72.469.080 đồng, tiền lãi trong hạn 13.690.323 đồng, tiền lãi quá hạn 20.513.762 đồng, tổng cộng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 106.673.165 đồng.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Điều 5, Điều 6, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Điều 91 và Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

+ Khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ - HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

+ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP B đối với bị đơn ông Phan Ngọc H.

Buộc ông Phan Ngọc H phải trả cho Ngân hàng TMCP B số nợ gốc, lãi tính đến ngày 16-3-2023 là 106.673.165 đồng (Trong đó nợ gốc: 72.469.080 đồng, nợ lãi trong hạn 13.690.323 đồng, nợ lãi quá hạn 20.513.762 đồng).

Kể từ ngày 17-3-2023 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Phan Ngọc H phải chịu án phí là 5.333.658 đồng. (Năm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng).

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP B được nhận lại 2.125.000 đồng (Hai triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001327 ngày 10-11-2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q.Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q.Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Kim Phụng